TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y -TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DSST
Ngày 26/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hà Giang

2. Ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ L số 09/2023/TLST-DS ngày 05/7/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng (V); địa chỉ số 89 phường 1, quận 2, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông D là Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Quách Thị P; là chuyên viên xử L nợ của V; địa chỉ thị trấn 1, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải L sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú xóm 19, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2023, các bản tự khai và tại phiên tòa bà P đại diện cho nguyên đơn trình bày: V khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho V toàn bộ số tiền còn nợ theo 02 Hợp đồng đã ký kết giữa bà L với V cụ thể như sau:

1. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/3/2018 (Mã LD1809300911) giữa V chi nhánh Nam Định, Phòng giao dịch Thành Nam và bà L: số tiền cho vay/đề nghị vay là 150.000.000 đồng; số tiền giải ngân là

138.000.000 đồng; mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng; lãi suất trong hạn cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh Lãi suất trong hạn thực hiện theo quy định của V trong từng thời kỳ.

- Tính đến ngày 26/9/2024 bà L đã trả cho V số tiền gốc vay là 113.041.687 đồng; số tiền gốc vay còn nợ chưa trả là 24.958.313 đồng.

- Tính đến ngày 26/9/2024 tổng tiền lãi bà L phải trả là 162.156.067 đồng; tiền lãi đã trả là 133.962.852 đồng; số tiền lãi còn phải trả là 28.193.215 đồng (trong đó tiền lãi là 26.707.393 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.485.822 đồng).

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi còn nợ chưa trả là 53.151.528 đồng; bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 06/07/2020.

2. Hợp đồng cho vay số LN1809280960297 ký ngày 05/10/2018 số tiền vay là 180.000.000 đồng; số tiền giải ngân là 180.000.000 đồng; mục đích vay để bổ sung đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh gia công may mặc; thời hạn vay 48 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 05/10/2018 đến ngày 05/10/2022; lãi suất trong hạn vay và kỳ hạn điều chỉnh gồm "Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm", lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất trong hạn đầu tiên là ngày 01/04/2019; mức điều chỉnh lãi suất trong hạn được xác định bằng "Lãi suất trong hạn bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm"; lãi suất trong hạn bán vốn là mức lãi suất trong hạn do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 48 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất trong hạn là 3 tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Tính đến ngày 26/9/2024 bà L đã trả cho V số tiền gốc vay là 75.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ chưa trả là 105.000.000 đồng.

- Tính đến ngày 26/9/2024 tổng tiền lãi bà L phải trả cho V là 147.746.609 đồng; số tiền lãi đã trả là 31.042.267 đồng; số tiền lãi còn phải trả là 116.704.342 đồng (trong đó tiền lãi là 97.537.921 đồng, tiền lãi chậm trả là 19.166.421 đồng);

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi bà L còn phải trả cho V tính đến ngày 26/9/2024 là 221.704.342 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay số LN1809280960297 ký ngày 05/10/2018 bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 03/7/2022.

Tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Ford Fiesta, số máy M6JA01492, số khung BAMMBUR01492, biển kiểm soát 35A-121.64 thuộc sở hữu/sử dụng của bà L, cùng tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018808 do Phòng CSGT Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/09/2018.

Yêu cầu của V: Buộc bà L phải trả cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo 02 Hợp đồng cho vay nêu trên, tính đến ngày 26/9/2024, tổng cả tiền gốc và tiền lãi của cả 02 hợp đồng là 274.855.870 đồng. Yêu cầu bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày bà L thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Yêu cầu Tòa án buộc trong Bản án nội dung, trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V là xe ô tô nhãn hiệu Ford Fiesta, số khung AMMBUR01492, số máy M6JA01492, biển số 35A-121.64 thuộc sở hữu/sử dụng của bà L, cùng tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018808 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/09/2018. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử L tài sản bảo đảm nói trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ V, thì bà L tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho V đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn là bà L: Toà án đã giao Thông báo về việc thụ L vụ án, triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đều hợp lệ, nhưng bà L đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc; nên không có lời khai của bà L trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự. Bị đơn trong vụ án không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 317, khoản 1 Điều 318, khoản 6 Điều 320, khoản 5 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V:

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay: Buộc bà L phải trả cho V gồm tiền vay là 24.958.313 đồng, tiền lãi là 28.193.215 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà L tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay cho đến khi bà L thanh toán xong khoản nợ gốc cho V.

- Đối với Hợp đồng cho vay: Buộc bà L phải trả cho V gồm tiền vay là 105.000.000 đồng, tiền lãi là 116.704.342 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà L tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến khi bà L thanh toán xong khoản nợ gốc cho V. Nếu bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên; bà L có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là Xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại FIESTA, sơn màu trắng, số khung BAMMBUR01492, số máy M6JA01492, biển số đăng ký 35A-121.64 cùng tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018808 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/09/2018 ghi tên chủ xe là Nguyễn Thị Hải L cho V để xử L khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bà L không thực hiện; V có quyền yêu cầu bà L giao tài sản thế chấp trên cho mình để xử L khi bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; trường hợp bà L không

thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì V có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Về án và chi phí tố tụng: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. V phải chịu tiền chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản đối với bà L, việc khơi kiện của V được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà L cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ L giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là bà L vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về vay tài sản:

a) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử đề ngày 28/3/2018 giữa V và bà L: số tiền cho vay/đề nghị vay là 150.000.000 đồng; mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh và mua bảo hiêm dư nợ tín dụng; thời hạn cho vay/thời hạn duy trì hạn mức thấu chi là 60 tháng; lãi suất trong hạn cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh Lãi suất trong hạn thực hiện theo quy định của V trong từng thời kỳ.

Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện của V: Số tiền giải ngân là 138.000.000 đồng vào ngày 03/4/2018. Tính đến ngày 26/9/2024 bà L đã trả cho V số tiền gốc vay là 113.041.687 đồng và tiền lãi là 133.962.852 đồng; tổng cả gốc và lãi là 247.004.539 đồng. Tính đến ngày 26/9/2024 bà L còn nợ V số tiền gốc là 24.958.313 đồng và tiền lãi chưa trả là 28.193.215 đồng (trong đó tiền lãi là 26.707.393 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.485.822 đồng); tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi còn nợ chưa trả là 53.151.528 đồng.

b) Hợp đồng cho vay số LN1809280960297, đề nghị giải ngân, uỷ nhiệm chi và khế ước nhận nợ số LN1809280960297 đều đề ngày 05/10/2018 giữa V - chi nhánh Ninh Bình và bà L; nội dung bà L vay tiền V - chi nhánh Ninh Bình với số tiền là 180.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 05/10/2018 đến ngày 05/10/2022, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh gia công may mặc; Ngân hàng giải ngân cho bên

vay theo hình thức "Chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng"; lãi suất trong hạn vay và kỳ hạn điều chỉnh gồm "Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm", lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất trong hạn đầu tiên là ngày 01/04/2019; mức điều chỉnh lãi suất trong hạn được xác định bằng "Lãi suất trong hạn bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm"; lãi suất trong hạn bán vốn là mức lãi suất trong hạn do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 48 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất trong hạn là 3 tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Theo yêu cầu khởi kiện và lời khai của người đại diện của V: Tính đến ngày 26/9/2024 bà L đã trả cho V gồm số tiền gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi là 31.042.267 đồng; tổng cộng là 106.042.267 đồng. Tính đến ngày 26/9/2024 bà L còn nợ V gồm số tiền gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 116.704.342 đồng (trong đó tiền lãi là 97.537.921 đồng, tiền lãi chậm trả là 19.166.421 đồng); tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 221.704.342 đồng.

***2.2. Về tài sản thế chấp**:* Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1809280960297 đề ngày 05/10/2018 giữa bà L với V chi nhánh Ninh Bình; bà L đã thế chấp tài sản xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại FIESTA, sơn màu trắng, số khung BAMMBUR01492, số máy M6JA01492, biển số đăng ký 35A-121.64; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018808 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/09/2018 ghi tên chủ xe là Nguyễn Thị Hải L.

Tại biên bản không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được tài sản ngày 16/8/2023 của Toà án thể hiện "không xem xét thẩm định được xe ô tô trên"; ý kiến của đại diện Công an xã K "chưa thấy chị L có xe ô tô trên". Theo phiếu trả lời xác minh P tiện giao thông cơ giới đường bộ đề ngày 24/8/2023 của Công an huyện Y nội dung "xe ô tô con, số loại FIESTA số khung RL04DBAMMBUR01492, số máy M6JA01492, biển số 35A-121.64, chủ xe Nguyễn Thị Hải L; xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của Ngân hàng". Nên có căn cứ xác định xe ô tô nêu trên là tài sản của bà L và bà L đã thế chấp cho V để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình theo Hợp đồng cho vay.

***Đối với bà L, không đến Toà án làm việc theo giấy triệu tập của Toà án, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình; nên bà L tự chịu trách nhiệm về nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của V**.*

Từ những phân tích nêu trên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V, buộc bà L phải trả cho V gồm: Tổng tiền gốc và tiền lãi chưa trả tính đến ngày 26/9/2024 (theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay) là 53.151.528 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi chưa trả tính đến ngày 26/9/2024 (theo Hợp đồng cho vay) là 221.704.342 đồng. Bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày bà L thực tế thanh toán hết nợ gốc cho V. Bà L có nghĩa vụ giao toàn bộ số tài sản đã thế chấp của mình là xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại FIESTA, sơn màu trắng, số khung BAMMBUR01492, số máy

M6JA01492, biển số đăng ký 35A-121.64 cùng tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018808 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/09/2018 ghi tên chủ xe là Nguyễn Thị Hải L cho V để xử L khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bà L không thực hiện; V có quyền yêu cầu bà L giao tài sản thế chấp trên cho V để xử L khi bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; trường hợp bà L không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì V có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Bà L phải trả cho V tổng số tiền là 274.855.870 đồng, nên bà L phải chịu 13.742.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, theo danh sách chi phí tố tụng với số tiền là 1.500.000 đồng.

- Hoàn lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 317, khoản 1 Điều 318, khoản 6 Điều 320, khoản 5 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/3/2018 (Mã LD1809300911). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị Hải L phải trả cho Ngân hàng, số tiền như sau:

- Tiền gốc vay là: 24.958.313 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm năm tám nghìn ba trăm mười ba đồng).

- Tiền lãi vay là: 28.193.215 đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín ba nghìn hai trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hải L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử đề ngày 28/3/2018 giữa V và bà L cho đến khi bà L thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

2.2. Đối với Hợp đồng cho vay số LN1809280960297 ký ngày 05/10/2018. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị Hải L phải trả

cho Ngân hàng, số tiền như sau:

- Tiền gốc vay là: 105.000.000 đồng (một trăm linh năm triệu đồng).

- Tiền lãi vay là: 116.704.342 đồng (một trăm mười sáu triệu bảy trăm linh tư nghìn ba trăm bốn hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hải L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1809280960297 và khế ước nhận nợ số LN1809280960297 đều đề ngày 05/10/2018 giữa V và bà L cho đến khi bà L thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

Nếu bà Nguyễn Thị Hải L vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên; bà L có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là Xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại FIESTA, sơn màu trắng, số khung BAMMBUR01492, số máy M6JA01492, biển số đăng ký 35A-121.64 cùng tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018808 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/09/2018 ghi tên chủ xe là Nguyễn Thị Hải L cho Ngân hàng để xử L khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bà L không thực hiện; Ngân hàng có quyền yêu cầu bà L giao tài sản thế chấp trên cho mình để xử L khi bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; trường hợp bà L không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hải L phải chịu 13.742.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm bốn hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm đinh tài sản thế chấp, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 3.000.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y. Ngân hàng được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.500.000 đồng (một trệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.872.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005708 ngày 04/7/2023 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lê Thanh Thu **Nguyễn Hà Giang**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lực